

TỪ Ý NIỆM VỀ SÁU ĐẾN Ý NIỆM VỀ ÁC THẦN TRONG TRUYỆN NGẮN “CON SÁU CUỐI CÙNG” CỦA SƠN NAM

FROM THE CONCEPT OF THE CROCODILE TO THE CONCEPT OF THE EVIL GOD IN THE SHORT STORY “THE LAST CROCODILE” BY SON NAM

Nguyễn Thụy Thùy Dương¹, Ngô Bảo Tín^{2*}, Đào Duy Tùng³

^{1,3} Đại học Cần Thơ

² Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

*ngobaotin.hg.2021@gmail.com

Ngày nhận bài:
16/7/2025

Ngày chấp nhận đăng:
08/8/2025

ABTRACTS

Keywords: Concept,
short story “The Last
Crocodile”, Son Nam.

Concepts reflect human thinking consciousness. In Southern culture, the concept of CROCODILE is associated with the concept of EVIL GOD. In the short story “The Last Crocodile” by Son Nam, this relationship is shown. In this article, we present the concept of concept, the embodiment of water in Vietnamese life, analyze the concepts of CROCODILE and EVIL GOD. To achieve the above, we use a combination of descriptive research methods, data analysis and MIP. The article is significant in both theoretical and practical aspects. In theory, the article contributes to consolidating the theory of Cognitive Linguistics and creates a premise for applying the theory of concepts in Son Nam’s short stories. In practice, the article can become a reference for research and teaching of language, literature and culture.

TÓM TẮT

Từ khóa: Ý niệm,
truyện ngắn “Con sấu
cuối cùng”, Sơn Nam.

Ý niệm phản ánh ý thức tư duy của con người. Trong văn hóa Nam Bộ, ý niệm về SÁU gắn liền với ý niệm về ÁC THẦN. Trong truyện ngắn “Con sấu cuối cùng” của Sơn Nam, mối quan hệ này được thể hiện. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày khái niệm ý niệm, nghiệm thân sông nước trong đời sống người Việt, phân tích ý niệm về SÁU và ÁC THẦN. Để đạt được những điều vừa nêu, chúng tôi sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu miêu tả, phân tích dữ liệu và MIP. Bài viết có ý nghĩa về phương diện lý luận và thực tiễn. Về lý luận, bài viết góp phần củng cố lý thuyết Ngôn ngữ học tri nhận và tạo nên tiền đề ứng dụng lý thuyết ý niệm trong truyện ngắn Sơn Nam. Về thực tiễn, bài viết có thể trở thành tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và dạy học ngôn ngữ, văn học và văn hóa.

1. Đặt vấn đề

Ý niệm là một trong những vấn đề quan trọng của Ngôn ngữ học tri nhận. Ý niệm phản ánh ý thức tư duy của con người. Việc nghiên cứu ý niệm trong văn bản văn học góp phần vào việc nghiên cứu tư duy của tác giả.

Cảnh quan Nam Bộ là phức thể sinh thái sông nước. Do vậy, đời sống sinh hoạt, mưu sinh và chiến đấu của người Nam Bộ gắn liền với sông nước. Vì quá trình tiếp xúc và trải nghiệm trên sông nước lâu dài nên hệ thức tư tưởng về sông nước của người Nam Bộ được cấu thành và được xem là đặc trưng tư tưởng văn hóa. Xuyên suốt quá trình cấu thành tư tưởng này, cơ chế nghiệm thân sông nước đóng vai trò cốt lõi. Trong các ý niệm, ý niệm về NƯỚC được cấu thành khá nhiều như: ma da, long cung, bà thủy, cá ông,... Đặc biệt, ý niệm về SÁU gắn chặt với các nghi thức, phong tục của xứ sở. Ý niệm này gắn liền với ý niệm về ÁC THẦN. Việc nghiên cứu về mối quan hệ này góp phần phản ánh tư duy của cộng đồng cư dân Nam Bộ về sông nước.

Sơn Nam là nhà văn tiêu biểu viết về Nam Bộ. Ông được mệnh danh là “ông già Nam Bộ”. Sinh ra và trưởng thành ở nơi đây, ông trải nghiệm đời sống sông nước. Do đó, những trang văn của ông phản ánh chân xác những giá trị văn hóa. Người và đất Nam Bộ trong văn Sơn Nam được thể hiện sống động. Đặc biệt, trong truyện ngắn “*Con sáu cuối cùng*”, sự tái nhận thức về tín ngưỡng ác thần được ông đề cập. Đó là sự thể nghiệm lại những vấn đề truyền thống. Việc nghiên cứu ý niệm về SÁU và ÁC THẦN trong truyện ngắn này góp phần vào việc nghiên cứu ý thức tín ngưỡng được phản ánh trong văn xuôi.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như miêu tả, phân tích dữ liệu và MIP.

Phương pháp miêu tả (Description method) được sử dụng trong việc trình bày kết

quả hệ thống lí thuyết và kết quả nghiên cứu về ý niệm trong “*Con sáu cuối cùng*”.

Phương pháp phân tích dữ liệu (Data analysis method) được sử dụng trong việc truy xuất ý niệm về SÁU và ÁC THẦN trong “*Con sáu cuối cùng*”. Dựa trên biểu thức ngôn ngữ, chúng tôi nhận diện và phân tích cơ sở cấu thành các ý niệm.

Phương pháp MIP (Metaphor Identification Procedure, tạm dịch: Phương pháp nhận diện ẩn dụ) được sử dụng trong việc nhận diện ẩn dụ ý niệm “*Con sáu cuối cùng*”, cụ thể với các bước sau:

- Bước 1: Đọc toàn ngữ liệu khảo sát truyện “*Con sáu cuối cùng*” nhằm hướng đến sự khái quát mang tính hệ thống về ẩn dụ ý niệm trong ngữ liệu.

- Bước 2: Truy xuất các đơn vị từ vựng trong chỉnh thể khảo sát.

- Bước 3: Thiết lập ý niệm, phân tích đơn vị ngôn ngữ và tìm ra những đơn vị đáp ứng được mục đích nghiên cứu, tức căn cứ vào độ nổi trội của phân tử trong tập hợp khảo sát mà phạm trù hóa.

- Bước 4: Kết luận.

3. Cơ sở lí thuyết

3.1. Khái niệm ý niệm

Trong Triết học, ý niệm (concept) theo quan niệm của Platon tương ứng với khái niệm “*idee*” theo quan niệm của Hegel, tức là sản phẩm của một nỗ lực pha trộn bản thể học, nhận thức luận, sự đánh giá,... thành một tập hợp duy nhất của các khái niệm (Inwood 2015: 532). Đồng bàn về ý niệm, P. Emonet, OP (2014) cho rằng ý niệm là cái họa bản được về một sự vật. Tiếp thu tư tưởng của Triết học, Ngôn ngữ học tri nhận đề cao vai trò của ý niệm trong quá trình tri nhận. Ý niệm gắn chặt với quá trình hoạt động của não bộ. Đó là sự tri nhận về mọi vấn đề của chủ thể. Do vậy, ý niệm thường mang tính chủ quan. Mặt khác, ý niệm vừa là quá trình vừa là kết quả của hoạt

động tri nhận. Vậy nên, cấu trúc ý niệm tương quan với cấu trúc nghĩa. Ý niệm góp phần tạo nên nhận thức, hành xử và tiếp nhận với những người xung quanh (Lakoff & Johnson 2017: 03). Trong bài viết này, chúng tôi nhận thức ý niệm là hệ thức tư duy trừu tượng phản ánh đối tượng tri nhận qua những trải nghiệm của chủ thể tri nhận về đối tượng đó (Ngô Bảo Tín, Đào Duy Tùng & Phan Nguyễn Thanh Tân 2024: 98).

3.2. Nghiệm thân sông nước trong đời sống người Việt

Nghiem thân sông nước là dạng thức nghiệm thân được cấu thành dựa trên sự trải nghiệm sông nước mà trong đó, văn hóa sông nước là vấn đề cốt lõi. Xuất phát từ đặc điểm về địa lí của quốc gia, Việt Nam thuộc khu vực nhiệt đới gió mùa nên quốc gia này có khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều. Hệ thống sông ngòi chằng chịt và vùng Nam Bộ là nơi điển dạng về đặc điểm này. Xuất phát từ điều kiện tiếp xúc, mưu sinh và chiến đấu, con người tiếp xúc với môi trường sông nước nên họ tri nhận các vấn đề qua những tri thức sông nước và ngược lại, họ tri nhận sông nước qua các tri thức khác mà cơ sở thân xác đóng vai trò tiên quyết.

Qua quá trình tiếp xúc, mưu sinh và chiến đấu, con người thuộc môi trường sông nước xây dựng được ý thức sông nước. Từ đó, hành động của họ với sông nước dần trở thành văn hóa ứng xử với sông nước. Điều này phần nào phản ánh sự gắn kết giữa con người với tự nhiên - một mối quan hệ cố hữu, cốt lõi trong việc sinh tồn của con người. Văn hóa sông nước thể hiện chủ yếu ở hai phương diện: vật chất và tinh thần. Về vật chất, sông nước có chức năng là nơi sinh sống, cung cấp thức ăn,... cho con người. Dựa trên hiện trạng sông nước, con người sáng tạo ra các phương tiện phục vụ cho việc đi lại trên sông nước, ngư cụ,...

Nghiem thân sông nước là hình thức trải nghiệm tương quan giữa con người với môi trường sông nước. Sự trải nghiệm này thường dẫn đến hệ quả về ánh xạ giữa miền CON

NGƯỜI với miền SÔNG NƯỚC. Về cấu trúc, các ý niệm được cấu thành dựa trên nghiệm thân sông nước thường được biểu đạt dựa trên cấu trúc biểu thức ngôn ngữ với hai thành tố. Trong đó, một thành tố liên kết đến miền CON NGƯỜI và một thành tố liên kết đến miền SÔNG NƯỚC. Miền CON NGƯỜI và SÔNG NƯỚC có thể đảo chiều ý niệm, tức ánh xạ song hướng - không hoàn toàn từ miền CON NGƯỜI sang miền SÔNG NƯỚC và ngược lại (Trịnh Sâm 2013: 05).

3.3. Ý niệm SÁU, ÁC THẦN trong truyện ngắn “Con sấu cuối cùng” của Sơn Nam

Cá sấu là loài động vật bò sát, sống chủ yếu ở vùng có khí hậu nhiệt đới. Với cơ thể to lớn và bản tính hung hăng, loài vật này đã trở thành nỗi khiếp sợ cho người dân. Vùng Nam Bộ của Việt Nam có khí hậu nóng ẩm và nhiều hệ thống kênh rạch, sông ngòi. Bên cạnh đó, hệ thống rừng phủ khắp. Tất cả yếu tố trên tạo nên môi trường sống tốt cho cá sấu. Khách quan hiện thực tác động đến nhận thức về loài vật này. Vì thế, người dân Nam Bộ thường ác cảm đối với sấu. Mặt khác, tục thờ thú (hay còn gọi là tín ngưỡng thờ động vật, thờ cúng động vật, thờ phụng động vật,...) được xem là hình thức tín ngưỡng cổ truyền được duy trì từ thời nguyên thủy đến nay. Tục lệ này có thể bắt nguồn từ tư tưởng sùng thần và vạn vật hữu linh. Việc thờ cá sấu không chỉ diễn ra ở Châu Á mà nó còn diễn ra ở một số nước thuộc châu Phi, châu Âu, châu Mỹ. Ở Châu Á, quái vật biển Makara của Ấn Độ có đặc điểm giống cá sấu. Ngoại hình của nó là sự phức hợp của nhiều loài vật như: voi, bò, hươu, nai, công,... Trong đó, đặc điểm của voi và cá sấu là hai yếu tố chính cấu thành linh vật. Hai linh thú này là biểu tượng của vật đỡ thế giới và mưa. Người Thái Lan nhận thức cá sấu là vua của vùng nước, có thể chi phối đến mùa màng và xã hội. Ở Campuchia, tục thờ cá sấu được xem là một trong những tín ngưỡng cổ. Cá sấu là biểu tượng của ánh sáng, báo hiệu mưa gió. Ở châu Phi, người Ai Cập nhận thức cá sấu mang

quyền năng của lửa và nước - hai trong các thành tố khởi nguyên cấu tạo nên thế giới theo quan niệm của Empêdoc. Vì thế, cá sấu được xem là thần thánh và được tôn thờ. Ở châu Âu, người Hi Lạp nhận thức cá sấu là vị thần cai quản số phận. Ở Châu Mỹ, người Aztec của Mexico nhận thức cá sấu là thần coi làng mạc, đất đai.

Ở Việt Nam, theo tín ngưỡng dân gian, hệ thống thần thánh có thể được phân chia dựa trên vai trò của họ đối với đời sống của con người. Những vị thần góp phần vào việc đảm bảo và phát triển đời sống của con người và những vị thần gây bất lợi đến đời sống con người (ác thần/ hung thần) đều được thờ cúng. Con người thờ cúng họ với mong muốn tốt đẹp về cuộc sống. Người Việt nhận thức SÁU LÀ ÁC THẦN.

Sơn Nam sinh trưởng và lớn lên ở tỉnh Kiên Giang thuộc Nam Bộ nên văn hóa nơi đây đã hằn sâu vào tâm thức của ông. Cách thức tư duy về cá sấu của ông thể hiện sự tiếp nhận từ cách thức tư duy về cá sấu của người dân Nam Bộ. Ngoài ra, sự trải nghiệm qua quan sát, nhận thức và tương tác trong đời sống thường nhật với con người Nam Bộ cũng tạo nên ý niệm chuyên biệt của ông về cá sấu. Vì thế, những ý niệm trong trang văn của ông vừa mang tính phổ quát vừa mang tính chuyên biệt.

Trong truyện ngắn *“Con sấu cuối cùng”*, ý niệm ĐỘNG VẬT LÀ ÁC THẦN có ý niệm thứ cấp SÁU LÀ ÁC THẦN được thể hiện. Môi trường sông nước tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh sống và phát triển của cá sấu. Sự tàn phá của sấu đối với đời sống con người là nguyên nhân cấu thành ý niệm TIÊU CỰC về sấu: *“Sấu lặn xuống rồi trồi lên đập đuôi, ngay chiếc ghe chở cô dâu, chú rể”, “Ai nấy trở về bình yên, trừ trường hợp đặc biệt của cô dâu. Nàng mất dạng sau khi quơ đôi chân ngược lên trời, lần cuối cùng, đầu và mình đều khuất dưới mặt nước xao động, trong miệng sấu”* (Sơn Nam 1987: 106). Ý niệm này được

thể hiện qua ngôn ngữ và tư duy của nhân vật *“tôi”* - người kể chuyện. Ngoài ra, ý niệm ĐỘNG VẬT LÀ CON NGƯỜI cũng được thể hiện qua biểu thức ngôn ngữ *“sấu báo thù cho sấu”*. Theo Tiên tri nhận, phép nhân hóa được sử dụng trong biểu thức ngôn ngữ này. Nhân hóa thuộc nhóm ẩn dụ tu từ (Nguyễn Thái Hòa 2006: 160). Theo Tri nhận học, nhân hóa là dạng ẩn dụ phức cấu bởi *“nhân hóa là một loại chung bao gồm một loạt ẩn dụ, mỗi ẩn dụ chọn ra những khía cạnh khác nhau của một người hoặc những cách nhìn nhận về một người”* (Lakoff & Johnson 2017: 34). Trong tư duy của ông cai tổng Huy, cá sấu có tính cách như con người, chúng biết thù hận. Nét tính cách này có thể được xem là đặc tính ánh xạ được dùng cho quá trình ánh xạ từ miền CON NGƯỜI sang miền ĐỘNG VẬT. Trong miền ĐỘNG VẬT - miền toàn phần, miền SÁU - miền bộ phận là miền thứ cấp, mang tính chất cụ thể về đối tượng tri nhận. Lúc này, mệnh đề thứ cấp SÁU LÀ CON NGƯỜI được cấu thành. Đặc tính ánh xạ của CON NGƯỜI được dùng để *“hiểu”* cho cá sấu như giới tính - *“con sấu cái”* (Sơn Nam 1987: 110) và *“con sấu đực”* (Sơn Nam 1987: 101, 111); vai gia đình - *“sấu con”, “sấu mẹ”, “sấu cha”*; hành động - hành động bảo vệ con của sấu mẹ *“sấu mẹ canh chừng sấu con, sợ sấu cha trở về ăn thịt con”* (Sơn Nam 1987: 110), hành động điếm đàng *“tụi nó điếm đàng như vậy đó”* (Sơn Nam 1987: 110), *“sấu đực tới ve vãn”, “tụi đực rửa đánh mùi, giành “mèo””, “con sấu cái này chờ “chồng”*, (Sơn Nam 1987: 110)... Ý niệm này góp phần cấu thành ý niệm SÁU LÀ ÁC THẦN. Trong tư duy Nam Bộ, *“theo tục lệ hồi xưa hồi xưa, sấu là loài thú bị đầy, mỗi con muốn thành tinh, để đầu thai kiếp khác cần phải nuốt... chín mươi chín nhơn mạng”* (Sơn Nam 1987: 107), SÁU LÀ ĐÁNG SIÊU NHIÊN - SÁU LÀ ÁC THẦN. Tư tưởng này chi phối đến hành động cúng kiếng. Hệ thống ý niệm về SÁU được ánh xạ bởi hệ thống ý niệm về ÁC THẦN. Đây là phương thức kéo theo từ nhận thức về đời sống hiện thực với

đời sống tâm linh và trong đó, đối tượng thuộc đời sống hiện thực được “*hiểu*” qua tri thức về đời sống tâm linh. Miền ÁC THẦN được chọn làm miền nguồn, ánh xạ cho miền đích là SÁU. Điều này còn phản ánh cơ chế ánh xạ diễn ra từ tri thức đã biết đến tri thức chưa biết, tức miền ÁC THẦN là tri thức đã biết và miền SÁU là tri thức chưa biết. Trong tâm thức người Việt, ác thần là tri thức phổ quát, có từ thời nguyên thủy. Ác thần là phạm trù mang tính khái quát và trừu tượng. Đối lập với phạm trù ác thần, sáu là phạm trù mang tính chất cụ thể. Việc chiếu xạ này cho thấy tính chất trừu tượng và cụ thể không còn được xác định dựa trên tri thức phổ quát của nhân loại mà nó được xác định dựa trên tri thức của chủ thể tri nhận - có thể là tác giả hoặc nhân vật trong truyện.

Giữa sáu với thầy câu sáu diễn ra cuộc chiến. Đó là cuộc chiến giữa con người với quỷ thần nên ý niệm CÂU SÁU LÀ CHIẾN ĐẤU VỚI QUỶ THẦN được cấu thành. Người câu sáu là người chống đối với quỷ thần, “*họ có thể sửa đổi luật lệ của quỷ thần*” (Sơn Nam 1987: 107). Ông Năm Hên là một trong những người câu sáu, ông am hiểu về loài vật này. Đối với ông, sinh nghề từ nghiệp, nếu từ vì nghiệp thì là luật quả báo.

Trong biểu thức “*tụi đực rựa đánh mèo, giành “mèo”*” (Sơn Nam 1987: 11), ý niệm về “mèo” thể hiện tư duy đặc thù qua biểu thức ngôn ngữ là tiếng lóng. Người Việt tri nhận đặc tính của con người qua đặc tính loài mèo như: “*mèo khen mèo dài đuôi*”, “*mèo hoang lại gặp chó hoang*”, “*mèo mù vớ cá rán*”, “*mèo mả gà đồng*”,... Trong tiếng lóng hiện đại, người Việt gọi nhân tình là mèo. Mệnh đề CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT được cấu thành. Trong truyện ngắn “*Con sáu cuối cùng*”, “mèo” được sử dụng với ý niệm trên. Cá sáu được tri nhận qua đặc tính của con người mà con người được tri nhận qua đặc tính của loài mèo. Mệnh đề ánh xạ đồng loại: ĐỘNG VẬT LÀ ĐỘNG VẬT được hình thành gián tiếp qua ánh xạ ĐỘNG VẬT LÀ CON NGƯỜI.

(1) ĐỘNG VẬT LÀ CON NGƯỜI

(CÁ SÁU LÀ CON NGƯỜI)

(2) CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT

(NHÂN TÌNH LÀ MÈO)

(3) ĐỘNG VẬT LÀ ĐỘNG VẬT

(CÁ SÁU LÀ MÈO)

=> CÁ SÁU CÁI LÀ NHÂN TÌNH

Đây là hình thức ánh xạ gián tiếp và mang tính hai chiều giữa miền CON NGƯỜI với miền ĐỘNG VẬT. Miền ĐỘNG VẬT có thể đóng vai trò làm miền nguồn để hiểu miền đích CON NGƯỜI và ngược lại, miền CON NGƯỜI là cơ sở để hiểu ĐỘNG VẬT. Quá trình này diễn ra phổ biến trong hệ thống tri nhận của con người. Bởi lẽ, nền tảng tri thức về thân xác là nền tảng tri thức cơ bản của con người. Từ tri thức về thân xác, cơ chế nghiệm thân được kích hoạt tạo nên sự thông hiểu tri thức qua thân xác. Trong đó, sự đối ứng những đặc tính của con người qua các đối tượng tri nhận khác là hình thức ánh xạ phổ biến. Lúc này, tổ chức thể giới động vật tương ứng với tổ chức thể giới con người qua cơ sở nghiệm thân. Động vật có tổ chức gia đình, giới tính, ngoại hình, tính cách và hành động,... tương tự con người. Tuy nhiên những điều này chỉ tồn tại trong tư duy tri nhận vì điều đó chỉ là sự tái cấu trúc về miền ĐỘNG VẬT chứ không thể là hiện thực về miền ĐỘNG VẬT.

Ý niệm ĐỘNG VẬT LÀ CON NGƯỜI là ý niệm phổ quát và hình thức này không chỉ xảy ra ở trường hợp cá sáu mà xảy ra hầu hết ở các đối tượng tri nhận khác. Tư tưởng “*dĩ nhân vi trung*” chi phối hình thức này. Con người trở thành trung tâm tri thức cho mọi vấn đề tri nhận. Dựa trên việc phân tích tâm lí ở các độ tuổi, chúng tôi cho rằng giữa miền CON NGƯỜI và miền ĐỘNG VẬT diễn ra sự tương quan ánh xạ. Khi là trẻ em, con người có xu hướng hiểu ĐỘNG VẬT LÀ CON NGƯỜI, ĐỒ VẬT LÀ CON NGƯỜI. Trẻ em thường xem đồ chơi, thú cưng là con người và trò chuyện với chúng. Trẻ em thường dùng từ ngữ xưng hô trong gia đình để giao tiếp với chúng. Khi lớn lên, trường hợp

này diễn ra hạn chế hơn. Đối lập với giai đoạn trẻ em, ở giai đoạn trưởng thành, con người có xu hướng hiểu CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT, CON NGƯỜI LÀ ĐỒ VẬT như trường hợp TÌNH NHÂN LÀ MÈO.

Bên cạnh ý niệm SÁU LÀ ÁC THẦN, ý niệm SÁU LÀ PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN TRÊN SÔNG NƯỚC cũng được cấu thành dựa trên đặc tính ánh xạ về ngoại hình “đen ngòm” qua biểu thức ngôn ngữ “con sáu hiện ra, đen ngòm giống như chiếc xuồng độc mộc” (Sơn Nam 1987: 113). Tri thức về ĐỒ VẬT mà ý niệm thứ cấp là PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN - PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN TRÊN SÔNG NƯỚC, được sử dụng để “hiểu” về ĐỘNG VẬT mà ý niệm thứ cấp là SÁU. Ánh xạ này dẫn đến các tương ứng ánh xạ như hành động “sáu trườn dài” là sự di chuyển của chiếc xuồng độc mộc, mũi sáu là mũi xuồng. Ý niệm này dựa trên nền tảng trải nghiệm của người sinh sống trong khu vực sông nước. Người dân sống vùng sông nước có trải nghiệm về phương tiện di chuyển trên sông nước nên họ “hiểu” cá sáu qua tri thức

về xuồng độc mộc, SÁU LÀ XUỒNG ĐỘC MỘC. Đây cũng là một trong những hình thức nghiệm thân sông nước, thể hiện đặc trưng tư duy tri nhận của người Nam Bộ.

Người Nam Bộ ý thức về sáu, một mặt họ tôn thờ sáu với tư cách là ác thần. Họ mong muốn sáu không tàn phá vật chất và làm hại đến tính mạng con người. Mặt khác, họ chiến đấu với sáu. Họ tri nhận sáu qua nhiều phương diện, từ đặc tính ngoại hình (SÁU LÀ CON NGƯỜI, SÁU LÀ PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN TRÊN SÔNG NƯỚC) đến tác động của sáu đối với đời sống (SÁU LÀ ÁC THẦN). Trước hiểm họa thiên nhiên, người Nam Bộ sẵn sàng đối mặt và chinh phục nó. Đây là khát vọng chinh phục thiên nhiên, một trong những khát vọng nguyên thủy của loài người. Tuy nhiên, việc chinh phục thiên nhiên không đơn thuần thể hiện hành động thực dụng mà việc ấy đánh dấu ý thức về tín ngưỡng thờ phụng ác thần ở Nam Bộ. Khi đạt đến trình độ nhất định, người Nam Bộ sẵn sàng bài trừ những tư tưởng không phù hợp với bối cảnh thời đại.

Bảng 1. Tương quan ánh xạ giữa ý niệm về SÁU với ý niệm về ÁC THẦN

Ý niệm về SÁU	Ý niệm về ÁC THẦN
Hành động cúng tế người sống cho sáu	Hành động thờ phụng ác thần
Sáu	Ác thần
Giết sáu	Phá bỏ tục lệ thờ ác thần
Câu sáu	Chiến đấu với ác thần, đấu tranh chống lại tục thờ ác thần
Người câu sáu	Người chiến đấu với ác thần, người phá bỏ tục thờ ác thần
Người được hiến tế cho sáu	Lễ vật cúng cho ác thần
Người thực hiện hành vi hiến tế lễ vật cho sáu	Tín đồ của ác thần

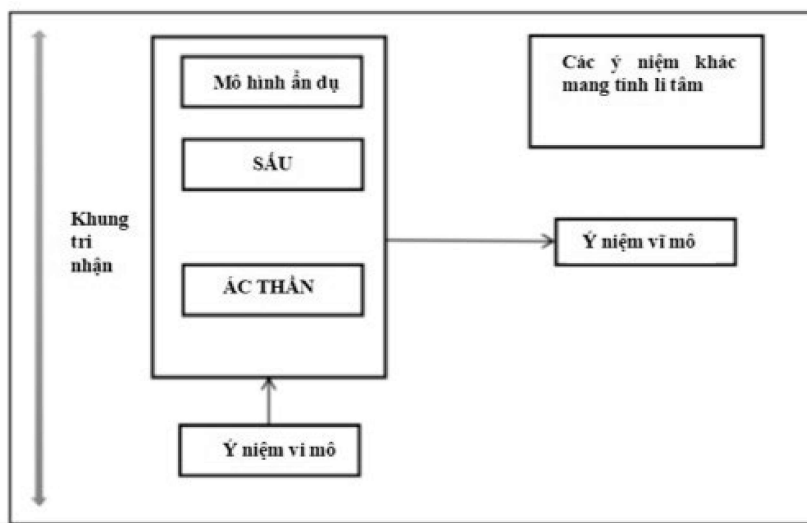
Về cơ chế, hệ thống ý niệm về SÁU và ÁC THẦN trong truyện ngắn “Con sáu cuối cùng” của Sơn Nam được cấu thành dựa trên cơ chế kéo theo ý niệm (drap concept). Ý niệm SÁU kéo theo ý niệm NGƯỜI CÂU SÁU. Ý niệm về NGƯỜI CÂU SÁU chỉ được cấu thành dựa trên nền tảng ý niệm về SÁU được cấu thành, tức nếu ý niệm SÁU không được

cấu thành trước đó thì ý niệm NGƯỜI CÂU SÁU không thể được cấu thành. Hệ thống ý niệm ÁC THẦN và NGƯỜI CÂU SÁU thuộc hệ thống ý niệm về SÁU. Đó là những thành phần của hệ thống ý niệm này. Bên cạnh cơ chế kéo theo ý niệm, hệ thống ý niệm này còn được cấu thành dựa trên cơ chế trải nghiệm vật chất và trải nghiệm tinh thần.

Dựa trên các biểu thức ngôn ngữ là các phát ngôn của chủ thể sáng tác và nhân vật, chúng tôi xây dựng mô hình về mức độ của ý

niệm. Quá trình tri nhận thường diễn ra với 3 mức độ, gồm: sinh lí, tâm lí và xã hội, cụ thể như sau:

Bảng 2. Các mức độ của ý niệm



Ẩn dụ vĩ mô/ Ý niệm vĩ mô (Megametaphor) SÁU LÀ ÁC THẦN là ý niệm phổ quát, mang tính cộng đồng và có chức năng thể hiện tư tưởng - chủ đề của tác phẩm. Về tính chất, đây là một dạng ẩn dụ xã hội (social metaphor) với nguyên tắc các thành viên trong xã hội diễn giải thể giới theo giới hạn tri thức được đúc kết từ cấu trúc xã hội của họ. Vì thế, ý niệm về sáu được hình thành qua cấu trúc xã hội sông nước.

Bên cạnh đó, ý niệm SÁU LÀ ÁC THẦN hàm chứa các ẩn dụ vi mô/ ý niệm vi mô (micrometaphor): CỨNG TẾ CHO SÁU LÀ THỜ CỨNG THẦN, NGƯỜI HIỀN TẾ CHO SÁU LÀ LỄ VẬT CỨNG TẾ, CÂU SÁU LÀ CHIẾN ĐẤU VỚI ÁC THẦN, CON NGƯỜI LÀ TÍN ĐỒ CỦA ÁC THẦN,..., mang tính thành phần, góp phần thể hiện sự tương quan bản thể trong ánh xạ của ý niệm vĩ mô.

Bảng 3. Sơ đồ cấu trúc ý niệm vi mô và ý niệm vĩ mô trong truyện ngắn Con sáu cuối cùng của Sơn Nam

CÁC MỨC ĐỘ CỦA Ý NIỆM			
Xã hội Tâm lí Sinh lí ↕	Ý niệm phổ quát (tính cộng đồng)	Tri giác	MIỀN NGUỒN ↻ MIỀN ĐÍCH
	Ý niệm chuyên biệt (tính cá thể)		
	Phản xã thường diễn ra dưới các điều kiện	Cảm giác	

Khung (Frame) là nền tảng tri thức có liên quan đến việc cấu thành ẩn dụ ý niệm/ ý niệm. Trong truyện ngắn “Con sáu cuối cùng”, các

nhân vật như: ông cai tổng Hy, “tôi”, ông Năm Hên,... là những thành viên thuộc cùng cộng đồng văn hóa. Vì thế, họ có những điểm chung

nhất định trong trải nghiệm về đời sống - tương đồng nghiệm thân. Đó là những tri thức như: sông nước (gồm: đặc tính lớn - rộng, môi trường cư trú của động vật và con người,...), động vật (gồm: hoạt động theo bầy, đẻ trứng, đặc tính trườn, sấu có màu đen, sống dưới nước,...), con người (gồm: sống tập trung, thuộc văn hóa sông nước, kiến thức về con nước, sáng tạo ra công cụ lao động ứng phó với môi trường sông nước,...)... cho phép suy niệm SÁU LÀ ÁC THẦN. Về cơ bản, SÁU được đặt trong mối quan hệ với CON NGƯỜI và THẦN LINH. Từ đó thấy được ẩn dụ ý niệm có chức năng tri nhận, kích hoạt những kinh nghiệm của chủ thể trong quá khứ và trạng thái trải nghiệm hiện tại của chủ thể để “hiểu” đối tượng tri nhận. Chức năng tri nhận này gồm: sự quy chiếu, lựa chọn, liên kết, suy niệm,... Chúng tôi gọi đây là những tiểu chức năng.

Ngoài ra, chức năng tạo hình cũng là một trong những chức năng quan trọng. Sự tạo hình được tiến hành dựa trên quan niệm thẩm mỹ, tức tư duy thẩm mỹ của chủ thể tri nhận quyết định đến hoạt động lựa chọn vật quy chiếu (reference object). Do nhân vật “tôi” là cư dân của cộng đồng văn hóa sông nước nên vật tham chiếu cho sấu là “chiếc xuồng độc mộc”. Vật tham chiếu là hình ảnh quen thuộc trong kí ức của nhân vật “tôi”. Do vậy, trên cơ sở độ nổi trội, vật này được lựa chọn, góp phần thể hiện tư duy thẩm mỹ của cộng đồng cư dân sông nước. Phép tham chiếu này thể hiện sự

ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động cấu thành ý niệm. Điều này cho thấy chức năng tạo hình có mối quan hệ mật thiết với chức năng tri nhận.

4. Kết luận

Ý niệm SÁU LÀ ÁC THẦN là hệ thống ý niệm vừa thể hiện tư duy tri nhận phổ quát vừa thể hiện tư duy tri nhận chuyên biệt. Một mặt, ý niệm SÁU LÀ CON NGƯỜI, SÁU LÀ PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN TRÊN SÔNG NƯỚC là hai ý niệm mang tính phổ quát, thể hiện sự tri nhận về sấu của người Nam Bộ. Mặt khác, ý niệm SÁU LÀ ÁC THẦN có thể được xem là ý niệm chuyên biệt, thể hiện chủ yếu ở các thợ câu sấu. Thông thường, con người mang tư tưởng thờ thú. Vì thế, họ tri nhận cá sấu là đáng tối cao, bất khả xâm phạm. Họ có hành động kính cẩn. Với các thợ câu sấu, tục thờ cá sấu cần được nhận thức lại. Những người thợ này sẵn sàng chiến đấu với những hiểm họa thiên nhiên.

Truyện ngắn “Con sấu cuối cùng” đánh dấu sự thay đổi thế giới quan của người Nam Bộ về việc thờ cá sấu. Sơn Nam đã nhận thức và đánh giá vai trò của tục lệ này đối với đời sống người dân Nam Bộ. Qua việc phân tích hệ thống ý niệm về SÁU và ÁC THẦN, dấu ấn văn hóa của người dân Nam Bộ được thể hiện. Đó là lối tư duy, nét sinh hoạt đặc biệt của con người thuộc vùng sông nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Emonet, OP. P. (2014). *Triết học về con người*. (Lâm Văn Sỹ chuyển ngữ). Trung tâm Học vấn Đa Minh.
- Lakoff, G., & Johnson, M. (2022). *Metaphors we live by*. (Nguyễn Thị Kiều Thu chuyển ngữ). Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hòa, N. T. (2006). *Từ điển Tu từ - Phong cách - Thi pháp học*. Nxb Giáo dục.
- Ngô, B. T., Đào, D. T., & Phan, N. T. T. (2024). Ý niệm và những thuật ngữ liên cận. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư*, số 2 (88), 96-100.
- Sơn, N. (1987). *Con sấu cuối cùng* trong 26 truyện ngắn Sơn Nam. Nxb Mũi Cà Mau.
- Trịnh, S. (2013). Miền ý niệm sông nước trong tri nhận của người Nam Bộ. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, số 46, 5-12.
- Inwood, M. (2015). *Từ điển Triết học Hegel*. (Bùi Văn Sơn và cộng sự chuyển ngữ). Nxb Trí thức.